Trung bình

SAFETYSTAR S3 LOW

SFTYSTRS3L

Giày b#o h# lao ##ng S3 giá t#t nh#t th# tr##ng

SAFETY STAR S3 LOW là giày b#o h# S3 có giá t#t nh#t trên th# tr##ng. Nó cung c#p kh# n#ng b#o v# tiên ti#n v#i m#i giày b#ng thép ch#c ch#n, ## ch#ng tr##t SR và thi#t k# ch#ng t#nh #i#n. Lý t##ng cho các l#nh v#c nh# h#u c#n, xây d#ng và môi tr##ng công nghi#p.

Nh#ng v#t li#u cao c#p h#n	Da k# thu#t Barton
l#p lót bên trong	L##i thép
## trong	SJ Eco
## gi#a	Thép
## ngoài	PU
##ng ##u	Thép
Lo#i	S3 / SR, SC, CI, FO
Ph#m vi kích th##c	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
tr#ng l##ng thép	0.600 kg
tiêu chu#n hóa	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024

BLK

S3
Giày b#o h# lao ##ng S3 thích h#p làm vi#c trong môi tr##ng có ## #m cao và n#i có d#u ho#c hydrocacbon. Nh#ng #ôi giày này c#ng b#o v# ch#ng l#i nguy c# th#ng ## và nghi#n nát bàn chân.

Ch#ng d#u & nhiên li#u
ngoài có kh# n#ng ch#ng d#u và nhiên li#u.

M#i giày an toàn b#ng thép
Giá ## b#ng kim lo#i ch#c ch#n ## b#o v# chân ng##i #eo kh#i các v#t th# l#n ho#c r#i.

SRC
ch#ng tr##t là m#t trong nh#ng tính n#ng quan tr#ng nh#t c#a giày an toàn và giày b#o h# lao ##ng. ## ch#ng tr##t SRC v##t qua c# bài ki#m tra tr##t SRA và SRB, chúng ###c ki#m tra trên c# b# m#t thép và g#m.

ch#ng t#nh #i#n
Giày ch#ng t#nh #i#n ng#n ch#n s# phát tri#n c#a #i#n tích t#nh và ##m b#o r#ng chúng ###c th#i ra m#t cách hi#u qu#. #i#n tr# âm l##ng gi#a 100 KiloOhm và 1 GigaOhm

M#t trên ch#ng n##c (WRU)
Ng#n ch#n s# xâm nh#p c#a n##c n#u không ti#p xúc lâu dài v#i m#t l##ng l#n.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

PLATINUM Top 1% ecovadis Sustainability Rating SEP 2025

Proudly ranked in the top 1% by EcoVadis for sustainability.

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghi#p n:
Xây d#ng, Ngành công nghi#p, h#u c#n

Môi tr##ng:
môi tr##ng bùn, b# m#t không b#ng ph#ng, môi tr##ng #m ##t

Cac h##ng dân ba#o tri:
kéo dài tu#i th# c#a giày, chúng tôi khuyên b#n nên v# sinh giày th##ng xuyên và b#o v# chúng b#ng các s#n ph#m phù h#p. Không ph#i giày trên lò s##i ho#c g#n ngu#n nhi#t.

	S# miêu t#	##n v# #o l##ng	K#t qu#	EN ISO 20345
Nh#ng v#t li#u cao c#p h#n	**Da k# thu#t Barton**			
	Top: kh# n#ng th#m h#i n##c	mg/cm/gi#	2.8	? 0.8
	Top: h# s# h#i n##c	mg/cm2	31	? 15
l#p lót bên trong	**L##i thép**			
	L#p lót: th#m h#i n##c	mg/cm/gi#	64.8	? 2
	lót: h# s# h#i n##c	mg/cm2	518	? 20
## trong	**SJ Eco**			
	##m chân: ch#ng mài mòn (khô/##t) (chu k#)	chu k#	25600/12800	25600/12800
## ngoài	**PU**			
	Ch#ng mài mòn ## ngoài (gi#m th# tích)	mm	92	? 150
	Ch#ng tr##t c# b#n - Ceramic + NaLS - Tr##t gót v# phía tr##c	ma sát	0.38	? 0.31
	Ch#ng tr#n tr##t c# b#n - G#m + NaLS - Tr##t lùi v# phía tr##c	ma sát	0.36	? 0.36
	Ch#ng tr#n tr##t SR - G#m + Glycerin - Tr##t gót phía tr##c	ma sát	0.36	? 0.19
	Ch#ng tr##t SR - G#m + Glycerin - Tr##t ng##c v# phía tr##c	ma sát	0.34	? 0.22
	Giá tr# ch#ng t#nh #i#n	megaohm	72.2	0.1 - 1000
	Giá tr# ESD	megaohm	N/A	0.1 - 100
	H#p th# n#ng l##ng c#a gót chân	J	30	? 20
##ng ##u	**Thép**			
	M#i giày an toàn ch#ng va ##p (kho#ng cách sau va ##p 100J)	mm	N/A	N/A
	N#p m#i ch#ng nén (khe h# sau khi nén 10kN)	mm	N/A	N/A
	M#i giày an toàn ch#ng va ##p (kho#ng cách sau va ##p 200J)	mm	15.0	? 14
	M#i giày an toàn ch#ng nén (kho#ng h# sau khi nén 15kN)	mm	19.0	? 14

kích th##c thép:

Giày c#a chúng tôi không ng#ng phát tri#n, d# li#u k# thu#t trên có th# thay ##i. T#t c# tên s#n ph#m và nhãn hi#u Safety Jogger #ã ###c ##ng ký và không ###c s# d#ng ho#c sao chép d##i b#t k# ##nh d#ng nào mà không có s# cho phép b#ng v#n b#n c#a chúng tôi.